TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Hương.

2. Ông Nguyễn Sơn Cước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 32 đường V, thôn M, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Ngọc P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2018, tại bản tự khai ngày 21/8/2018, biên bản hòa giải ngày 04/9/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị và anh Trương Ngọc P tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2010. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa chị và anh P không được hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Hai năm nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Ngọc P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 người con chung tên là Trương Ngọc Thảo N, sinh ngày 12/9/2009. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 04/9/2018, bị đơn là anh Trương Ngọc P trình bày: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2010. Do vợ chồng không chung sống với nhau trong thời gian 02 năm nay nên tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt. Từ đó, làm cho chị T cảm thấy anh không còn quan tâm, chăm sóc chị T. Mặc dù, không sống chung với chị T 02 năm nay nhưng anh vẫn điện thoại hỏi thăm vợ con. Hiện nay, anh cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 người con chung tên là Trương Ngọc Thảo N, sinh ngày 12/9/2009. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh thống nhất giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T đối với anh Trương Ngọc P. Giao cháu Trương Ngọc Thảo N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Trương Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trương Ngọc P kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15/3/2010. Việc kết hôn giữa chị T và anh P là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2017 đến nay, chị T và anh P không còn chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh P, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện: Trong khoảng thời gian 02 năm nay, vợ chồng anh P, chị T không chung sống với nhau, anh P sống tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, còn chị T sinh sống ở nơi khác. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt; hơn nữa, anh P không lo làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành, do chị T cương quyết xin ly hôn. Còn anh P chỉ tham gia hòa giải 01 lần vào ngày 04/9/2018 và vắng mặt tại phiên hòa giải tiếp theo vào ngày 14/9/2018 cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, mặc dù anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều đó cho thấy, anh P không có thiện chí mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy, hiện nay chị T không còn tình cảm với anh P và vợ chồng không còn chung sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án xét thấy cần phải chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh P có 01 người con chung là cháu Trương Ngọc Thảo N, sinh ngày 12/9/2009, hiện nay cháu N đang chung sống cùng với chị T. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu N cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Mặc dù, không đồng ý ly hôn nhưng anh P cho rằng, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh thống nhất giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, sự thỏa thuận giữa chị T và anh P về việc giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cũng đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Do chị T khẳng định đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0018726 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T đối với anh Trương Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Trương Ngọc P.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Ngọc Thảo N, sinh ngày 12/9/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trương Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Ngọc P có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0018726 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo